

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017 và đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1465/SNNPTNT-KL ngày 12/4/2024 về việc tổng kết thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017; UBND huyện báo cáo, như sau:

I. Tổng kết thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017

1. Ban hành văn bản; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp

1.1. Kết quả thực hiện

a) Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành (Biểu 01)

Từ năm 2019 đến năm 2023, UBND huyện ban hành 124 văn bản (01 chỉ thị, 64 công văn, 24 quyết định, 29 báo cáo, 02 kế hoạch, 02 thông báo, 02 giấy mời) để chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, chủ rừng, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy định pháp luật và các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật lâm nghiệp (Biểu 02)

Hàng năm, UBND huyện tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết công tác lâm nghiệp; qua đó, quán triệt triển khai đến UBND các xã, thị trấn, các đơn vị chủ rừng và các cơ quan, đơn vị có liên quan nội dung Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, UBND các xã, thị trấn, chủ rừng, các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thái độ, trách nhiệm trong nội bộ cán bộ, đảng viên cũng như cộng đồng dân cư, chủ rừng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền trực tiếp tại các hội nghị họp thôn, tổ dân phố, khu dân cư; tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh xã, thị trấn; tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa và vẽ tranh trong học đường; cấp phát tờ rơi và ký cam kết bảo vệ rừng; tuyên truyền lưu động, tuyên truyền qua hệ thống bảng trực quan bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng... Nội dung tuyên truyền luôn đổi mới, dễ hiểu phù hợp với mọi đối tượng.

Từ năm 2019 đến năm 2023, đã tổ chức tuyên truyền: Hội nghị họp thôn, tổ dân phố, khu dân cư: 237 đợt/13.106 lượt người tham dự, tổ chức ký 14.078 bản cam kết bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; cấp phát 9.912 tờ rơi tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng cho tổ chức, hộ gia

đình, cá nhân trên địa bàn huyện; tổ chức 18 đợt tuyên truyền lưu động bằng xe ô tô và 248 đợt tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh xã, thị trấn đến khu dân cư; tổ chức 16 đợt văn nghệ tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa với chủ đề “*Toàn dân chung tay bảo vệ rừng*” trên địa bàn huyện với đông đảo bà con nhân dân đến xem và hưởng ứng; tổ chức hoạt động sinh hoạt ngoại khóa và thi vẽ tranh tuyên truyền với chủ đề “*Bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống*” với 27 thầy, cô giáo và 270 em học sinh tham gia (tại Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở xã Ba Trang); đồng thời, thường xuyên tu sửa các bản tuyên truyền trực quan bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

Thông qua việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Luật Lâm nghiệp đã tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; vai trò trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền cơ sở đã phát huy tích cực.

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp được UBND quan tâm, ban hành thường xuyên; tuy nhiên, một số địa phương, chủ rừng, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo có lúc chưa kịp thời, đầy đủ.

- Một số vấn đề ngoài thực tiễn liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp chưa được quy định cụ thể tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp được quy định tại Luật Lâm nghiệp; tuy nhiên, việc triển khai thực hiện cơ chế, chính sách giữa các bộ, ngành còn chông chéo, chưa thống nhất, đồng bộ dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện.

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật lâm nghiệp

- Mặc dù công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp đã được UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị chú trọng; tổ chức bằng nhiều hình thức, nội dung tuyên truyền luôn đổi mới, dễ hiểu, phù hợp với mọi đối tượng. Tuy nhiên, ý thức chấp hành pháp luật về lâm nghiệp của một số người dân còn hạn chế.

- Một số cán bộ làm công tác tuyên truyền có lúc chưa năng động, linh hoạt, khả năng lực tuyên truyền, kỹ năng giao tiếp còn hạn chế nên có lúc chưa truyền tải đầy đủ nội dung tuyên truyền đến người dân, thiếu tính thuyết phục dẫn đến công tác tuyên truyền chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

- Lực lượng trực tiếp làm công tác tuyên truyền pháp luật còn thiếu về số lượng, chưa qua bồi dưỡng báo cáo viên, do đó vẫn còn những khó khăn nhất định trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở cơ sở.

- Trong giai đoạn 2019-2021, do tình hình dịch bệnh Covid19 diễn ra, phức tạp kéo dài; thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về giãn cách xã hội nên công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về lâm nghiệp được thực hiện rất hạn chế.

- Một số người dân còn có phong tục, tập quán lạc hậu, có quan niệm đất ông bà để lại nên việc tuyên truyền phổ biến pháp luật về lâm nghiệp đối với các đối tượng này gặp rất nhiều khó khăn.

- Kinh phí phân bổ để thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp còn hạn chế.

2. Quy hoạch lâm nghiệp

a) Kết quả đạt được (Biểu 03)

- Tính đến ngày 31/12/2023, tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn huyện 93.447,95 ha (*phòng hộ: 36.359,13 ha, sản xuất: 57.088,82 ha*), giảm 23,65 ha so với năm 2019; dự kiến tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn huyện 92.381,12 ha, trong đó: phòng hộ 22.621,08 ha, đặc dụng 17.977,00 ha, sản xuất 51.783,04 ha.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ diện tích rừng, đất rừng trên địa bàn huyện theo đúng nội dung Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Công văn 6114/UBND-NNTN ngày 07/11/2019 của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện kết quả rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch rừng sản xuất gắn với điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi.

- Rà soát, tổng hợp diện tích chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh bổ sung cơ cấu 03 loại rừng; các công trình, dự án dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp sang mục đích khác trên địa bàn huyện đề xuất cấp có thẩm quyền tích hợp vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Nhìn chung, nhận thức được vị trí, vai trò của công tác quy hoạch lâm nghiệp là hết sức quan trọng, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện chấp hành nghiêm túc nội dung quy hoạch lâm nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời, triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả công tác quy hoạch lâm nghiệp, kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh những vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quy hoạch lâm nghiệp.

- Quy hoạch lâm nghiệp được phê duyệt là cơ sở để sử dụng, khai thác có hiệu quả tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp. Thu hút mọi nguồn lực xã hội và sự tham gia của các thành phần kinh tế vào các hoạt động lâm nghiệp, đảm bảo đóng góp của ngành lâm nghiệp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao mức sống của người dân vùng đồi rừng, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ đa dạng sinh học góp phần giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Đồng thời, giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả đối với công tác quản lý Nhà nước của các ngành, địa phương trong lĩnh vực lâm nghiệp.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Hiện nay, Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023; về cơ bản kết quả rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 không còn phù hợp. Tuy nhiên, đến nay Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021 – 2030 chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở xác định cơ cấu 03 loại rừng, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Quy hoạch lâm nghiệp chưa có tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch các ngành, lĩnh vực khác như: Thủy điện, xây dựng, thủy lợi...

- Nguồn lực bố trí thực hiện quy hoạch về lâm nghiệp còn hạn chế, chưa đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

- Việc cấm mốc quy hoạch ngoài thực địa được cấp có thẩm quyền triển khai thực hiện trên địa bàn huyện; tuy nhiên, số lượng mốc cấm còn hạn chế, dẫn đến khó nhận biết về ranh giới 03 loại rừng.

- Trong phạm vi ranh giới quy hoạch lâm nghiệp vẫn còn tồn tại diện tích đất nông nghiệp, đất ở do nhân dân đang sử dụng ổn định lâu dài.

- Một số địa phương, chủ rừng chưa quản lý chặt chẽ diện tích rừng, đất rừng theo quy hoạch đã được phê duyệt, tình trạng phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp vẫn còn xảy ra, nhất là diện tích đất rừng phòng hộ.

3. Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng

3.1. Kết quả đạt được

a) Giao rừng, cho thuê rừng (Biểu 04):

- Giai đoạn 2019 – 2023, UBND huyện thực hiện hoàn thành Phương án giao rừng gắn với giao đất và cấp GCNQSD đất lâm nghiệp huyện Ba Tơ, giai đoạn 2017 – 2018 (theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án giao rừng gắn với giao đất và cấp GCNQSD đất lâm nghiệp huyện Ba Tơ, giai đoạn 2017 – 2018); theo đó, đã UBND huyện đã ban hành 23 Quyết định giao đất, giao rừng và cấp 123 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp gắn liền với tài sản trên đất (rừng tự nhiên) cho 19 hộ gia đình, 04 cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện.

- Tính đến 31/12/2023, tổng diện tích đất có rừng trên địa bàn huyện do các chủ thể quản lý là: 96.113,58 ha, giảm 488,61 ha so với năm 2019; trong đó:

+ Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi: 28.907,01 ha (rừng tự nhiên: 21.816,26 ha, rừng trồng: 7.090,75 ha).

+ Các tổ chức kinh tế (Các công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Ba Tơ, Ba Tô; các công ty Cổ phần: Huyện Trang, tập đoàn Tân Mai): 9.156,95 ha (rừng tự nhiên: 5.969,68 ha, rừng trồng: 3.187,27 ha).

+ Cộng đồng dân cư: 9.186,19 ha (*rừng tự nhiên: 8.672,17 ha, rừng trồng: 514,02 ha*).

+ Hộ gia đình, cá nhân: 20.994,64 ha (*rừng tự nhiên: 498,39 ha, rừng trồng: 20.496,25 ha*).

+ UBND xã, thị trấn: 27.868,79 ha (*rừng tự nhiên: 330,53 ha, rừng trồng: 27.538,26 ha*).

b) Chuyển loại rừng, CMĐSD rừng sang mục đích khác (Biểu 05):

- Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp do cấp có thẩm quyền thu hồi, chuyển đổi sang mục đích khác để thực hiện các dự án vì mục đích phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn huyện 25,0584 ha; gồm:

+ Dự án thủy điện Nước Long: 9,3333 ha (*đất rừng phòng hộ 6,9566 ha, đất rừng sản xuất 2,3767 ha*).

+ Dự án đường dây điện 500 KV Đốc Sỏi – Pleiku 2: 0,7151 ha đất rừng sản xuất.

+ Dự án thủy điện ĐăkRe 2: 4,2045 ha (*đất rừng phòng hộ 0,2096 ha, đất rừng sản xuất 3,9949 ha*).

+ Dự án thủy điện Sông Liên 1: 1,0088 ha đất rừng sản xuất.

+ Công trình cấp điện xã Ba Trang, huyện Ba Tơ: 0,7979 ha đất rừng phòng hộ.

+ Dự án thủy điện Sông Liên 2: 4,1257 ha đất rừng sản xuất.

+ Công trình đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi: 4,8731 ha đất rừng sản xuất.

- Việc thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang mục đích khác đảm bảo phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; trình tự, thủ tục và thẩm quyền thực hiện theo Luật Lâm nghiệp, Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Thu hồi rừng

Ngoài diện tích rừng được thu hồi để thực hiện các dự án vì mục đích phát triển – xã hội; trên địa bàn huyện không có diện tích rừng thu hồi theo các trường hợp: Chủ rừng sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về lâm nghiệp; không tiến hành hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau 12 tháng liên tục kể từ ngày được giao, được thuê rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng; rừng được Nhà nước giao, cho thuê khi hết hạn mà không được gia hạn; rừng được giao, được thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng; chủ rừng là cá nhân khi chết không có người thừa kế; các trường hợp thu hồi đất có rừng khác theo quy định của Luật Đất đai.

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Các hành vi xâm hại rừng vẫn còn xảy ra tại một số địa phương trên địa bàn huyện, nhất là đối với diện tích rừng đã giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô.

- Phần lớn diện tích rừng tự nhiên giao cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư bảo vệ có hiện trạng nghèo kiệt, trữ lượng và chất lượng rừng thấp, các đối tượng giao rừng không hưởng lợi được sản phẩm từ diện tích rừng đã được Nhà nước giao; bên cạnh đó, việc phân bổ kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng cho các đối tượng được Nhà nước giao rừng không ổn định và kịp thời, do đó không khuyến khích được các hộ gia đình, cộng đồng dân cư tích cực tham gia bảo vệ rừng.

- Một số đơn vị chủ rừng chưa thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ và phát triển rừng đối với lâm phần được Nhà nước giao quản lý, bảo vệ.

4. Tổ chức quản lý rừng; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; đóng, mở cửa rừng tự nhiên

4.1. Kết quả đạt được

a) Tổ chức quản lý rừng

- Rừng đặc dụng:

+ Trên địa bàn huyện chưa thành lập khu rừng đặc dụng; hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành tiến hành xây dựng dự án thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ theo nội dung: Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022. UBND huyện đã bổ sung Dự án khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ vào quy hoạch sử dụng đất huyện Ba Tơ, giai đoạn 2021 – 2030 đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (*dựa trên phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện tại Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh*).

+ Trong thời gian qua, UBND huyện đã phối hợp với các Tổ chức bảo tồn đa dạng sinh học (*FFi, GreenViet*) thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát đa dạng sinh học, xác định ranh giới khu rừng đặc dụng nhằm thúc đẩy quá trình thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ.

- Rừng phòng hộ:

+ Trên địa bàn huyện có 01 tổ chức quản lý rừng phòng hộ là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi (*là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) được thành lập trên cơ sở hợp nhất 07 Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày

28/12/2018; hiện nay, tổng diện tích rừng, đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện do Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh quản lý, bảo vệ: 30.748,43 ha.

+ Phần diện tích rừng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn các hồ, đập nhỏ đã được UBND huyện tổ chức giao cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý, bảo vệ; những diện tích chưa giao do UBND xã, thị trấn trực tiếp quản lý theo nội dung Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng; hiện nay, tổng diện tích rừng, đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện do các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, UBND các xã, thị trấn trực tiếp quản lý, bảo vệ: 5.610,70 ha.

- Rừng sản xuất: Việc sắp xếp, đổi mới hoạt động của các công ty lâm nghiệp trên địa bàn huyện thực hiện theo chủ trương và các Nghị quyết, quyết định của cấp trên; theo đó:

+ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô là doanh nghiệp quốc doanh thuộc tỉnh, trước đây là Lâm trường Ba Tô, được sắp xếp, đổi mới thành Công ty Lâm nghiệp Sông Re Quảng Ngãi (theo Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 12/3/2007 của UBND tỉnh) và nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô (theo Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 của UBND tỉnh).

+ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ là doanh nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, tiền thân là Lâm trường Ba Tơ được thành lập năm 1977 trực thuộc tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Quảng Ngãi). Năm 1993 thành lập doanh nghiệp nhà nước Lâm trường Ba Tơ, theo Quyết định số 342/QĐ-UB ngày 08/3/1993 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1999, trở thành thành viên của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 06/1999/QĐ-UB ngày 12 tháng 01 năm 1999 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Năm 2004, đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Ba Tơ theo Quyết định số 2138/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/7/2004 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Và kể từ năm 2008 theo Quyết định số 535/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 21/02/2008 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tơ. Hiện nay loại hình hoạt động là Công ty TNHH một thành viên, thuộc 100% vốn Công ty mẹ Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

(kèm theo Biểu 10).

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chủ rừng, xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân có rừng và đất lâm nghiệp liên kết hình thành nhóm hộ để xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

- *Về xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững*: Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn huyện có 02 tổ chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững, cụ thể:

+ Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2011 – 2026 của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ đã được Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam phê duyệt.

+ Phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024.

* Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô đang hoàn thiện phương án quản lý rừng bền vững đối với lâm phần được Nhà nước giao quản lý, bảo vệ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- *Thực hiện việc cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững*: Trên địa bàn huyện chỉ có Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) với tổng diện tích 2.985,41 ha, trong đó: rừng tự nhiên 278,64 ha, rừng trồng 2.706,77 ha.

c) Thực hiện chủ trương đóng, mở cửa rừng tự nhiên

- UBND huyện chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện thực nghiêm túc chủ trương tạm dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên; tuyên truyền, vận động nhân dân, chủ rừng biết, thực hiện chủ trương tạm dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên; kiểm soát chặt chẽ các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng nội dung Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường công kiểm tra, truy quét các điểm có nguy cơ xảy ra phá rừng để kịp thời ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Công tác quản lý, bảo vệ rừng đạt được nhiều kết quả tích cực, số vụ vi phạm và diện tích bị thiệt hại do phá rừng trái pháp luật trên giảm đi đáng kể, góp phần nâng cao chất lượng rừng và tỷ lệ che phủ rừng.

- Trong giai đoạn 2019 – 2023, tổng kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong giai đoạn dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên cho các đối tượng chủ rừng trên địa bàn huyện: 6.592.954.000 đồng.

+ Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 (*mức hỗ trợ 200.000 đồng/ha/năm*): 2.930.000.000 đồng

+ Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô theo Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 (*mức hỗ trợ 300.000 đồng/ha/năm*): 3.648.954.000 đồng.

+ Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư theo Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 (*mức hỗ trợ 300.000 đồng/ha/năm*): 14.000.000 đồng.

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tổ chức quản lý rừng

- Việc thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh (*trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT*) đã phát sinh nhiều vấn đề vướng mắc, bất cập (*biên chế, kinh phí, tổ chức, ...*) dẫn đến hoạt động kém hiệu quả so với các Ban Quản lý rừng phòng hộ (*trực thuộc UBND huyện trước đây*) làm ảnh hưởng chung đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện.

- Số lượng người làm việc, cơ cấu lao động của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô quá ít, chưa đáp ứng yêu cầu đối với diện tích rừng được Nhà nước giao quản lý, bảo vệ.

- Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô thực hiện chưa tốt nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ và phát triển rừng trên lâm phần được Nhà nước giao quản lý, bảo vệ; do đó, các hành vi vi phạm khai thác gỗ, phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp vẫn còn xảy ra, có lúc diễn biến phức tạp.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững

- Hiện nay, các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân không xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; do địa bàn huyện Ba Tô chịu ảnh hưởng lớn của thời tiết cực đoan như: bão, lốc xoáy, hạn hán, ... nên việc kéo dài chu kỳ khai thác rừng trồng sẽ mang tính rủi ro cao trong khi đó đa số các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện thu nhập kinh tế chủ yếu dựa vào rừng trồng.

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô còn chậm, đến nay vẫn chưa hoàn thành.

c) Thực hiện chủ trương đóng, mở cửa rừng tự nhiên

Diện tích rừng tự nhiên được kiểm soát chặt chẽ, cơ bản ổn định, tuy nhiên vẫn còn xảy ra tình trạng xâm hại rừng tự nhiên vẫn còn nhỏ lẻ xảy ra tại một số địa phương trên địa bàn huyện, chưa được ngăn chặn triệt để; do các nguyên nhân:

- Nguồn kinh phí hỗ trợ chính sách tạm dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên chưa được cấp có thẩm quyền quan tâm đúng mức, không phân bổ kịp thời, ổn định cho các chủ rừng để tổ chức quản lý bảo vệ diện tích rừng đã giao theo quy định.

- Năng lực quản lý bảo vệ rừng của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô còn hạn chế, có lúc thực hiện chưa tốt nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ rừng theo quy định tại Luật Lâm nghiệp.

5. Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến, cơ sở dữ liệu rừng

5.1. Kết quả đạt được

- Từ năm 2019 đến năm 2023, trên địa bàn huyện không có chương trình, đề án điều tra, kiểm kê rừng; thực hiện nghiêm túc nội dung Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 về việc phê duyệt kết quả Kiểm kê rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2014 – 2016; sử dụng thành quả Kiểm kê rừng làm cơ sở thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng.

- Tổ chức theo dõi diễn biến rừng; công bố kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm:

+ Xác định công tác theo dõi diễn biến rừng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các đơn vị chủ rừng, UBND các xã, thị trấn và cơ quan có liên quan triển khai thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng và báo cáo theo quy định. Quy trình theo dõi, cập nhật diễn biến rừng được các cơ quan, đơn vị thực hiện đảm bảo theo nội dung Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Hạt Kiểm lâm huyện thường xuyên theo dõi trên nền ảnh vệ tinh những vị trí có nguy cơ biến động về diện tích rừng chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn và đề nghị các đơn vị chủ rừng tổ chức kiểm tra, xác minh, báo cáo theo quy định.

+ Từ năm 2019 đến năm 2023, Hạt Kiểm lâm đã tổ chức xác minh, cập nhật thông tin biến động diện tích rừng trên địa bàn huyện theo các nguyên nhân với tổng diện tích: 146.061 lượt ha.

+ Hàng năm, UBND huyện công bố số liệu hiện trạng rừng trên địa bàn huyện làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch có liên quan đến lĩnh vực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; số liệu hiện trạng rừng tính đến ngày 31/12/2023 trên địa bàn huyện Ba Tơ được Chủ tịch UBND huyện công bố tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 08/01/2024, như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	Loại rừng	Tổng cộng	Quy hoạch phát triển rừng			Ngoài quy hoạch phát triển rừng
			Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
1	Diện tích đất có rừng tham gia tính độ che phủ	77.421,51	0,00	32.302,39	39.556,79	5.562,33
1.1	Rừng tự nhiên	37.287,03	0,00	24.347,29	12.882,23	57,51
1.2	Rừng trồng	40.134,48	0,00	7.955,10	26.674,56	5.504,82
2	Diện tích rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng	18.692,07	0,00	1.687,38	12.973,60	4.031,09

Tỷ lệ che phủ rừng 68,04 % (*không bao gồm diện tích cây trồng phân tán*).

- Về cơ sở dữ liệu về rừng, hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp tại địa phương: Hiện nay, địa phương đang sử dụng các phần mềm, ứng dụng trong lĩnh vực Lâm nghiệp theo hướng dẫn, chỉ đạo của các cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp cấp trên để phục vụ công tác theo dõi biến rừng, cảnh báo cháy rừng, ...

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Có nơi hiện trạng rừng ngoài thực địa chưa đồng nhất với cơ sở dữ liệu quản lý, bản đồ, nhất là rừng tự nhiên.

- Chủ rừng nhóm I không thể thực hiện báo cáo biến động về diện tích rừng trên lâm phần được giao cho Kiểm lâm địa bàn theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Kiểm lâm địa bàn các xã, thị trấn tự thu thập, kiểm tra, xác minh

thông tin biến động của chủ rừng nhóm I và tiến hành cập nhật, báo cáo cho Hạt Kiểm lâm huyện.

- Một số đơn vị chủ rừng nhóm II chưa chủ động thực hiện trách nhiệm theo dõi diễn biến rừng trên lâm phần được giao, chậm báo cáo thông tin biến động diện tích rừng cho Hạt Kiểm lâm.

- Một số đồng chí Kiểm lâm địa bàn, cán bộ kỹ thuật của các đơn vị chủ rừng sử dụng chưa thành thạo các phần mềm ứng dụng hỗ trợ công tác theo dõi diễn biến rừng và rà soát hiện trạng rừng.

- Biên chế của lực lượng Kiểm lâm còn mỏng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao (*Kiểm lâm địa bàn phải kiêm nhiệm các bộ phận nghiệp vụ*), nhất là việc thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng.

- Phần mềm FRMS 4.0 chưa hoàn thiện, còn phát sinh nhiều lỗi trong quá trình sử dụng, dẫn đến tiến độ và chất lượng trong công tác theo dõi diễn biến rừng chưa đảm bảo theo yêu cầu đặt ra.

6. Bảo vệ rừng (Biểu 06)

6.1. Kết quả đạt được

a) Bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng

- UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện tốt một số biện pháp cấp bách, quyết liệt trong công tác bảo vệ rừng nhằm phòng, chống chặt phá rừng, cháy rừng, chống buôn lậu lâm sản; luôn chú trọng đổi mới về nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp cho nhân dân trên địa bàn huyện, dễ hiểu, phù hợp với mọi đối tượng; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát lâm sản và tuần tra, truy quét bảo vệ rừng nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, nhất là tại điểm có nguy cơ xâm hại rừng cao.

- Chỉ đạo, xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế, kế hoạch phối hợp trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giữa Hạt Kiểm lâm Ba Tơ với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài huyện: Công an huyện, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Trạm Quản lý bảo vệ rừng huyện, Hạt Kiểm lâm các huyện, thị xã: Sơn Hà, Minh Long, Đức Phổ, Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai và huyện An Lão, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn đăng ký mã cơ sở, lập sổ theo dõi, ghi chép vào sổ theo dõi và báo cáo biến động về số lượng động vật rừng theo quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ; hiện nay, trên địa bàn huyện có 09 cơ sở nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đã được cấp mã cơ sở nuôi gồm 93 cá thể Cây vòi hương và 26 cá thể Cây vòi mốc; 01 cơ sở nuôi động vật rừng thông thường gồm 16 cá thể Dúi; Kiểm tra, xác nhận biến động về số lượng động vật rừng cơ sở nuôi động vật rừng

nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn. Kiểm tra, xác nhận bảng kê lâm sản theo quy định.

- Tiếp nhận 05 cá thể động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm do cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước, cụ thể: 01 cá thể Rùa núi viền - *Manouria impressa* (nhóm IIB), 01 cá thể Rùa Sa nhân - *Cuora mouhotii* (nhóm IIB), 01 cá thể Trăn đất - *Python molurus* (nhóm IIB), 01 cá thể Khi đuôi lợn - *Macaca leonina* (nhóm IIB), 01 cá thể Chà vá chân xám - *Pygathrix cinerea* (nhóm IB, đã chết); lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt phương án xử lý đối với các thể động vật rừng nêu trên, qua đó: tổ chức thả 04 cá thể động vật rừng về môi trường sống tự nhiên trên diện tích rừng đã giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, chuyển giao 01 cá thể Chà vá chân xám - *Pygathrix cinerea* (đã chết) cho Bảo tàng thiên nhiên duyên hải miền Trung (tỉnh Thừa Thiên Huế) để tổ chức bảo tàng đa dạng sinh học, giáo dục thiên nhiên.

- Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm huyện đã tổ chức triển khai tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chế biến kinh doanh lâm sản trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm, đúng các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản theo nội dung Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; xây dựng Kế hoạch kiểm tra thường xuyên trình cấp thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở tổ chức thực hiện. Trên địa bàn huyện Ba Tơ có 64 cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản (bao gồm cả Công ty, Doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân), trong đó: 53 cơ sở còn hoạt động, 11 cơ sở tạm dừng, dừng hoạt động. Cụ thể: Công ty, Doanh nghiệp: 09 cơ sở (có 01 cơ sở dừng hoạt động); hộ gia đình, cá nhân: 55 cơ sở (có 10 cơ sở dừng hoạt động).

b) Phòng cháy và chữa cháy rừng

- Phòng cháy rừng:

+ Xác định phòng cháy, chữa cháy rừng là nhiệm vụ hết sức quan trọng của cả hệ thống chính trị tại địa phương. UBND huyện tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của cấp trên liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; đồng thời, ban hành văn bản để chỉ đạo các địa phương, chủ rừng, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật; thực hiện tốt phương châm 04 tại chỗ trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

+ Hàng năm, UBND huyện xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng; duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững huyện; thành lập Tổ kiểm tra liên ngành về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng huyện, tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng đối với 47 lượt đơn vị chủ rừng, UBND các xã, thị trấn nhằm phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; bố trí kinh phí hỗ trợ cho ngân sách xã và Hạt Kiểm lâm thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

+ Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các đơn vị chủ rừng xây dựng và triển khai thực hiện các Phương án, kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn, lâm

phần quản lý; duy trì hoạt động của các Ban Chỉ đạo, Tổ phòng cháy, chữa cháy rừng tại cơ sở.

+ Chỉ đạo chính quyền địa phương phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện tổ chức diễn tập Phương án chữa cháy rừng cấp xã tại các xã: Ba Lễ, Ba Liên, Ba Ngạc, Ba Trang.

+ Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo sớm cháy rừng trên hệ thống thông tin cảnh báo của Cục Kiểm lâm để phát hiện, thông báo đến địa phương, chủ rừng kiểm tra, nhằm chủ động thực hiện các biện pháp ngăn ngừa hiệu quả ngay tại cơ sở; đồng thời chuẩn bị các phương tiện, thiết bị, dụng cụ chữa cháy rừng và bố trí lực lượng thường trực 24/24 giờ trong thời kỳ cao điểm nắng nóng, sẵn sàng chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra.

- Chữa cháy rừng: Việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy rừng, chỉ huy chữa cháy rừng; khắc phục hậu quả, xử lý sau cháy rừng.

+ Tổ chức thực hiện đầy đủ nội dung Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng các cấp; phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; đồng thời, ban hành Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 Phương án huy động lực lượng tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn huyện Ba Tơ.

+ Từ năm 2019 đến năm 2023, trên địa bàn huyện xảy ra 19 vụ cháy rừng/235.122 m² rừng bị thiệt (*rừng tự nhiên 06 vụ/56.948 m², rừng trồng 13 vụ/178.174 m²*); nguyên nhân chủ yếu là do người dân đốt thực bì sau khai thác rừng trồng gây cháy lan và đốt ong lầy mật; đã xác lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính 01 vụ/01 đối tượng/6.512 m² rừng tự nhiên bị thiệt hại với số tiền 100.000.000 đồng, số vụ còn lại không xác định được đối tượng vi phạm.

- UBND huyện thường xuyên quán triệt, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, chủ rừng, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện tăng cường trách nhiệm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; coi công tác phòng cháy, chữa cháy rừng là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng cháy, chữa cháy rừng nhằm giảm thiểu thiệt hại do cháy rừng gây ra.

c) Phòng, trừ sinh vật gây hại rừng

Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị chủ rừng, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, trừ sinh vật hại rừng; tuyên truyền, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng các nguồn giống cây lâm nghiệp có xuất xứ, nguồn gốc rõ ràng và khả năng kháng bệnh cao để đem vào trồng rừng; đảm bảo tiêu chuẩn về mật độ rừng trồng góp phần tích cực vào công tác phòng, trừ sinh vật hại rừng, nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng; kịp thời báo cáo tình hình sinh vật hại rừng cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng biết, có giải pháp xử lý.

d) Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng

- Tổ chức Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng:
 - + Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh (*Trạm Quản lý bảo vệ rừng huyện*): Tổng số người làm việc: 31 người; trong đó: viên chức: 11 người, chuyên trách bảo vệ rừng: 20 người.
 - + Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô: Tổng số người làm việc: 14 người; trong đó: biên chế: 07 người, hợp đồng lao động: 07 người.
 - + Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô: 44 công nhân viên, người lao động.
- Bảo đảm hoạt động của Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng:
 - + Hàng năm, ngân sách Nhà nước bảo đảm hoạt động cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của Trạm Quản lý bảo vệ rừng huyện; dựa vào kinh phí được Nhà nước hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên, kinh phí thu từ nguồn dịch vụ môi trường rừng và hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô tự đảm bảo hoạt động cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.
 - + Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô tự đảm bảo hoạt động cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng dựa trên thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh rừng trồng.

đ) Kiểm tra lâm sản trong quá trình khai thác, vận chuyển, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, gây nuôi, trồng cây nhân tạo, cất giữ lâm sản

Từ năm 2019 đến năm 2023, chỉ đạo Hạt Kiểm lâm huyện phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan tổ chức 4.765 lượt tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng. Trong đó: 1.400 lượt truy quét ở rừng, 3.277 lượt tuần tra, kiểm tra rừng, 88 lượt kiểm tra các cơ sở chế biến lâm sản và hàng trăm lượt kiểm tra lưu thông. Qua đó, phát hiện, bắt giữ và xử lý 254 vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp (*hình sự: 05 vụ, hành chính: 249 vụ*), thu nộp ngân sách Nhà nước 1,71 tỷ đồng. Các vụ vi phạm đều xử lý công khai, nghiêm minh, đúng pháp luật đã góp phần quan trọng về nâng cao ý thức bảo vệ rừng cho người dân (*không thống kê các vụ cháy rừng*).

- Kiểm tra, xác nhận bảng kê lâm sản là động vật rừng 07 đợt/13 cá thể Cầy Vòi mốc, 23 cá thể Cầy Vòi hương.

- Tiếp nhận động vật rừng do cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước, lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt phương án xử lý đối với động vật rừng do cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước theo quy định; tổ chức thả lại môi trường sống tự nhiên 03 cá thể động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IIB (*01 cá thể Rùa núi vàng, trọng lượng 03 kg; 01 cá thể Rùa Sa nhân (Cuora mouhotii), trọng lượng 0,4kg; 01 cá thể Trăn đất (Tên khoa học: Python molurus), trọng lượng 7,5 kg*) do người dân tự nguyện giao nộp Nhà nước; chuyển giao 11 cá thể Rùa núi vàng,, nhóm IIB cho Vườn Quốc gia Bạch Mã cứu hộ (*tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu*).

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng

Các hành vi xâm hại rừng (*khai thác, mua, bán, vận chuyển lâm sản, phá rừng trái pháp luật*) vẫn còn xảy ra, có lúc diễn biến phức tạp tại một số xã trên địa bàn huyện; do các nguyên nhân:

+ Diện tích rừng tự nhiên lớn giáp ranh với nhiều huyện trong và ngoài tỉnh, địa hình phức tạp, hiểm trở, giao thông đi lại, thông tin liên lạc trong khu vực khó khăn ảnh hưởng đến công tác quản lý bảo vệ rừng. Lực lượng Kiểm lâm và chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng còn mỏng, chưa đáp ứng với diện tích rừng được giao quản lý, bảo vệ.

+ Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về lâm nghiệp, đất đai của một số người dân còn thấp, nhu cầu về đất sản xuất của người dân tại địa phương lớn, lợi nhuận từ cây keo nguyên liệu cao nên một số người dân lén lút phá rừng và lấn, chiếm đất phòng hộ trái pháp luật để lấy đất sản xuất.

+ Do tình hình dịch bệnh Covid19 kéo dài, ảnh hưởng đến thu nhập kinh tế của người dân gây áp lực lên nguồn tài nguyên rừng, một số người dân thực hiện hành vi phá rừng lấy đất sản xuất để phát triển kinh tế.

+ Chính quyền địa phương một số xã chưa thực hiện tốt trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp; có lúc chưa kịp thời chỉ đạo, huy động tối đa nguồn lực trên địa bàn để ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng.

+ Chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng cho các đối tượng được Nhà nước giao rừng trên địa bàn huyện chưa được cấp có thẩm quyền phân bổ kịp thời; có đối tượng rừng chưa có chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng theo quy định.

+ Một số đơn vị chủ rừng chưa quan tâm đúng mức đến công tác quản lý bảo vệ rừng trên lâm phần được Nhà nước giao; chưa chủ động tổ chức lực lượng phối hợp các ngành chức năng, địa phương kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định pháp luật.

+ Một số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp không bắt quả tang được đối tượng vi phạm, người dân ngại va chạm không tố giác đối tượng vi phạm nên việc xác minh đối tượng vi phạm để xử lý theo quy định pháp luật còn gặp nhiều khó khăn.

b) Phòng cháy và chữa cháy rừng

- Thời tiết nắng nóng khô hanh kéo dài, biên độ nhiệt dao động ở mức cao, diện tích rừng trồng tập trung lớn, vật liệu cháy nhiều, ý thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế trong việc sử dụng lửa trong rừng, ven rừng, đốt ong, đốt dọn thực bì sau khai thác rừng trồng không đúng quy trình, quy định nên tình trạng cháy rừng vẫn còn xảy ra, gây thiệt hại về tài sản của nhân dân và ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

- Khi có cháy rừng xảy ra việc huy động lực lượng tại chỗ gặp nhiều khó khăn, chỉ có lực lượng chức năng và những hộ dân có diện tích rừng giáp ranh mới tham gia chữa cháy.

- Công tác kiểm tra, xác minh, điều tra nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng còn chậm, chưa xử lý nghiêm túc các đối tượng gây cháy làm giảm tính răn đe trong Nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

c) Phòng, trừ sinh vật gây hại rừng

Công tác phòng, trừ sinh vật hại rừng được các chủ rừng, UBND các xã, thị trấn chủ động triển khai thực hiện. Tuy nhiên, nhiều diện tích rừng trồng Keo dưới 03 năm tuổi trên địa bàn huyện có hiện tượng chết héo (*không rõ nguyên nhân*) ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng rừng trồng.

d) Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng

- Quyền hạn của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng còn hạn chế, chế độ chính sách thấp.

- Năng lực công tác của một số lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của đơn vị chủ rừng còn hạn chế, trách nhiệm chưa cao, chưa đáp với yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

đ) Kiểm tra lâm sản trong quá trình khai thác, vận chuyển, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, gây nuôi, trồng cây nhân tạo, cất giữ lâm sản.

- Mặc dù công tác tuyên truyền hướng dẫn các quy định của Nhà nước về quản lý lâm sản được thực hiện thường xuyên, tuy nhiên, một số cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản, chủ rừng không thực hiện việc lập Bảng kê lâm sản, ghi chép sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định.

- Đối với lâm sản do chủ rừng, chủ lâm sản tự quyết định việc khai thác, sau khi khai thác chủ rừng, chủ lâm sản không báo cáo, thông báo nên gây khó khăn cho công tác theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thống kê ngành lâm nghiệp.

7. Phát triển rừng

7.1. Kết quả đạt được

a) Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

- UBND huyện thường xuyên chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện tăng cường vai trò, trách nhiệm đối với công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; vận động nhân dân trên địa bàn sử dụng các loại giống cây trồng có nguồn gốc hợp pháp để trồng rừng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, giảm tình trạng phát sinh bệnh đối với cây trồng; kiên quyết xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp vi phạm các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định.

- Hàng năm, UBND huyện thành lập Đoàn Kiểm tra tổ chức kiểm tra hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn huyện; đồng thời, phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý giống cây trồng lâm nghiệp cho cán bộ, công chức các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan và quy trình, kỹ thuật sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

- Hiện nay, trên địa bàn huyện có 101 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp, trong đó: tổ chức: 03 cơ sở (02 cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 01 cơ sở không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), hộ gia đình, cá nhân: 98 cơ sở (không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), mỗi năm sản xuất khoảng 21 triệu cây giống cây trồng lâm nghiệp. Hầu hết các cơ sở đều sản xuất, kinh doanh giống keo lai giâm hom có cây đầu dòng từ cây cây mô mua từ các công ty lâm nghiệp tại tỉnh Bình Định, các chủ cơ sở đều quan tâm đến chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp; cơ sở vật chất và phương tiện để sản xuất giống tương đối đáp ứng được yêu cầu. Tuy nhiên, việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp của các cơ sở trên địa bàn huyện chỉ mang tính tự phát chưa được công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (trừ Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ); tỷ lệ giống cây trồng lâm nghiệp được kiểm soát về chất lượng đạt khoảng trên 70 % so với tổng số cây giống lâm nghiệp được các cơ sở sản xuất ra và đưa vào trồng rừng; Công nghệ sản xuất chính chủ yếu sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp bằng phương pháp thủ công: ươm hạt và giâm hom.

b) Phát triển rừng (Biểu 07)

Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện triển khai thực hiện phong trào "*Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ*"; đồng thời, xây dựng và triển khai thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn huyện. Từ năm 2019 đến năm 2023 đã đạt được kết quả, như sau:

- Tổng diện tích trồng rừng tập trung trên địa bàn huyện: 45.440 ha (*trồng rừng sản xuất 45.294 ha, trồng rừng thay thế 146 ha*); diện tích trồng rừng bình quân 9.088 ha/năm.

- Trồng cây phân tán: 2.921,89 nghìn cây, bình quân 584,378 nghìn cây/năm.

7.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn huyện chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp của các cơ sở chỉ mang tính tự phát chưa được công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định.

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn huyện chưa được kiểm soát chặt chẽ; một số giống cây trồng lâm nghiệp đem vào trồng rừng có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng, chất lượng kém làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng rừng trồng và gây phát sinh bệnh đối với cây trồng.

8. Sử dụng rừng

a. Khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ

- Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng sản xuất: 5.368,94 nghìn m³; bình quân 1.073,788 nghìn m³/năm; năng suất bình quân 120 m³/ha/chu kỳ.

- Sản lượng lâm sản ngoài gỗ: 3.200 tấn Mây nước; bình quân 640 tấn/năm.

b) Dịch vụ môi trường rừng (Biểu 09):

Trên địa bàn huyện có diện tích rừng của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng của các nhà máy: Thủy điện Núi Ngang, Định Bình (*tỉnh Bình Định*); tổng số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng 1.042,19 triệu đồng.

9. Chế biến và thương mại lâm sản

9.1. Kết quả đạt được

- Ngành lâm nghiệp là một trong những ngành đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong giai đoạn 2019 – 2023, ngành lâm nghiệp đã tích cực thực hiện nhiều giải pháp về công tác tổ chức, quản lý, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp theo các định hướng, quy hoạch được các cấp, ngành phê duyệt; việc trồng rừng sản xuất được đẩy nhanh nhờ các chính sách giao đất, giao rừng, sự hỗ trợ đầu tư từ các chương trình dự án đã góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt hơn 68%; công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản đang có xu hướng phát triển mạnh bởi sự đầu tư các nhà máy chế biến gỗ và dăm gỗ vào cụm công nghiệp trên địa bàn huyện, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

- Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp chế biến kinh doanh gỗ trên địa bàn huyện triển khai thực hiện nội dung Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam và Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phân loại chế biến và xuất khẩu gỗ.

- Hàng năm, Hạt Kiểm lâm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất về hoạt động chế biến, kinh doanh lâm sản trên địa bàn huyện; tuyên truyền, vận động các cơ sở ký cam kết việc thực hiện hoạt động chế biến, kinh doanh lâm sản theo quy định của pháp luật. Nhìn chung, các tổ chức, hộ gia đình chấp hành tương đối tốt các quy định của Nhà nước về chế biến, kinh doanh lâm sản.

- Hiện nay, trên địa bàn huyện đang triển khai thực hiện mô hình liên kết trồng rừng sản xuất và cấp chứng chỉ rừng FSC giữa doanh nghiệp và người dân. Các Công ty Cổ phần Năng lượng Dung Quất và Công ty TNHH nguyên liệu Giấy Thượng Hải thực hiện liên kết trồng rừng sản xuất với người dân với tổng diện tích 5.033,79 ha (*Công ty Cổ phần Năng lượng Dung Quất: 2.088 ha; Công ty TNHH nguyên liệu giấy Thượng Hải: 2.945,79 ha*). Việc triển khai mô hình liên kết trồng rừng và cấp chứng chỉ rừng được bà con nhân dân đồng thuận, ủng hộ, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

- Việc đánh dấu mẫu vật còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc dẫn đến khó thực hiện được.

9.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Hầu hết hộ gia đình, cá nhân chưa chú trọng chất lượng, năng suất gỗ rừng trồng nên khai rừng trồng khi chưa đủ tuổi; mặt khác giá cả phụ thuộc lớn vào các

đôi tác nước ngoài dẫn đến bị chèn ép giá vì cho rằng gỗ dăm xuất khẩu không đạt chất lượng.

- Chưa có sự hợp tác, liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm giữa người sản xuất và các doanh nghiệp để có thị trường ổn định, giúp nhân dân yên tâm sản xuất để tạo ra nguồn nguyên liệu chất lượng cao, vì vậy rất khó tìm kiếm và mở rộng thị trường.

- Hiện nay, tại địa phương chưa biết cá nhân, tổ chức nào cung cấp các nhãn đánh dấu mẫu vật (*tem, mã số, mã vạch, mã QR, chip điện tử, vòng, khuyên*).

- Kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho lâm nghiệp còn hạn chế, bất cập.

10. Định giá rừng, đầu tư, tài chính trong lâm nghiệp (Biểu 11)

10.1. Kết quả đạt được

a) Định giá rừng

Căn cứ Quyết định 61/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh ban hành về giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; UBND huyện đã thành lập các Hội đồng định giá, xác định giá trị bồi thường đối với các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp gây thiệt hại đến rừng; từ năm 2019 đến năm 2023, đã tổ chức định giá, xác định giá trị thiệt hại về rừng với tổng số tiền 267.455.064 đồng/07 trường hợp.

b) Đầu tư và tài chính trong lâm nghiệp

Tổng kinh phí đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp: 1.403.605,46 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách nhà nước (*theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ; Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT – XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025*): 39.349,08 triệu đồng.

- Dịch vụ môi trường rừng: 1.042,19 triệu đồng.

- Vốn tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư: 1.363.214,19 triệu đồng.

10.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a. Định giá rừng: Không.

b. Đầu tư và tài chính trong lâm nghiệp

Nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước đầu tư cho lâm nghiệp còn hạn chế; việc phân bổ kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng cho các đối tượng được Nhà nước giao rừng chưa ổn định, kịp thời; đối tượng chủ rừng là cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân (*nằm ngoài các xã khu vực II, III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ*) được Nhà nước giao rừng phòng hộ không thuộc đối tượng điều chỉnh tại Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày

20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nên không được hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng.

11. Khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế về lâm nghiệp

- Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác theo dõi diễn biến rừng, cảnh báo cháy rừng; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngành lâm nghiệp; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, sử dụng giống chất lượng cao, trồng rừng thâm canh gỗ lớn, cơ giới hóa và công nghệ cao trong các khâu sản xuất (*xử lý thực bì, làm đất, chăm sóc, phòng chống sâu bệnh, lửa rừng, khai thác, vận chuyển, chế biến lâm sản...*).

- Phối hợp, hỗ trợ các tổ chức bảo tồn động vật đa dạng sinh học (FFI, GreenViet) tổ chức các hoạt động điều tra, khảo sát đa dạng sinh học để lập Dự án bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi, hướng đến thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tư.

- Hỗ trợ Tổ chức FFI triển khai thực hiện thí điểm mô hình tín dụng tiết kiệm không lãi xuất (*hỗ trợ phát triển sinh kế cho hộ dân không lãi xuất*) cho phụ nữ thôn Làng Vờ, xã Ba Nam (*các đối tượng vay vốn là hộ tham gia bảo vệ rừng, hộ bị giảm thu nhập từ rừng và hộ phụ nữ đơn thân*) từ nguồn vốn Quỹ Bảo tồn động vật hoang dã với tổng kinh phí 150.000.000 đồng.

12. Quản lý nhà nước về lâm nghiệp (Biểu 08)

a) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp

- UBND huyện, các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn quản lý theo quy định của Luật Lâm nghiệp. Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước về Lâm nghiệp luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành từ trung ương đến tỉnh, sự tham gia các ban, ngành, đoàn thể huyện; nhiều chủ trương, chính sách, Nghị quyết, Chương trình, Dự án, Đề án và các giải pháp trong công tác lâm nghiệp được ban hành được cụ thể hóa triển khai thực hiện; nhiều chính sách pháp luật mới về Lâm nghiệp được ban hành, tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong thực thi nhiệm vụ của lực lượng Kiểm lâm và chuyên trách bảo vệ rừng. Hàng năm, UBND huyện ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn huyện và đã mang lại nhiều kết quả tích cực.

- Bên cạnh những kết quả đạt được, còn có chính quyền địa phương cấp xã thực hiện chưa tốt trách nhiệm quản lý Nhà nước về lâm nghiệp; có lúc chưa chủ động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng và huy động tối đa nguồn lực để ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

- Từ năm 2019 đến năm 2023 trên địa bàn huyện không có cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động bị xử lý trách nhiệm trong lĩnh vực lâm nghiệp.

b) Tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp

Các cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp trên địa bàn huyện gồm: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Hạt Kiểm lâm huyện.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có chức năng tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước lâm nghiệp trên địa bàn huyện; biên chế Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện có 05 công chức.

- Hạt Kiểm lâm huyện có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; là lực lượng chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn huyện; tham mưu UBND huyện xây dựng chương trình, kế hoạch, phương án về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn quản lý; biên chế Hạt Kiểm lâm hiện có 22 người.

Nhìn chung, biên chế của các cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp trên địa bàn huyện còn mỏng chưa tương xứng với diện tích rừng hiện có. Tuy nhiên, với sự nỗ lực, cố gắng của các cơ quan quản lý chuyên ngành lâm nghiệp sự phối hợp của cả hệ thống chính trị nên công tác lâm nghiệp trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực.

13. Thực hiện các quyền của chủ rừng

Quyền của chủ rừng là Ban quản lý rừng phòng hộ, các công ty lâm nghiệp, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư được thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Lâm nghiệp. UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện phối hợp, hỗ trợ chủ rừng thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên lâm phần được giao; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; xử lý các trường hợp tranh chấp đất đai, các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, đất đai theo quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chủ rừng. Tuy nhiên, các chính sách bảo vệ và phát triển rừng chưa được cấp có thẩm quyền hỗ trợ, bảo đảm cho các chủ rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, như: khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng,...

14. Các vấn đề khác

- Về định nghĩa rừng, tiêu chí rừng có quy định: “*độ tàn che từ 0,1 trở lên*”. Tuy nhiên, trong thực tế khi rừng bị phá, bị cháy sẽ không xác định được độ tàn che nên khó xác lập hồ sơ để xử lý theo quy định.

- Về tiêu chí đối với rừng trồng: Nghiên cứu xem xét tiêu chí về mật độ cây/ha thay cho tiêu chí độ tàn che.

II. Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp

1. Ngoài nội dung về định nghĩa rừng, tiêu chí rừng, UBND huyện thống nhất với các nội dung quy định tại Luật Lâm nghiệp năm 2017.

2. Để việc triển khai thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017 đạt hiệu quả, kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất cấp có thẩm quyền sớm ban hành Nghị định quy định về chính sách đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021 – 2030.

UBND huyện Ba Tư kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- TT HU, TT HĐND huyện (*báo cáo*);
- CT, PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- Lưu: VT, HKL.Thinh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Giang Nam